

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2020/DS-PT

Ngày 28-7-2020

V/v tranh chấp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Hữu Xuân;

Ông Huỳnh Văn Luật.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2020/TLPT-DS về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2019/DS-ST ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 211/2020/QĐPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết P, sinh năm 1971. Địa chỉ: huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương Đình T, là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư X thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1968. Địa chỉ: huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Ngọc TH, sinh năm: 1971. Địa chỉ: huyện D, tỉnh Bình Dương. (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Ngọc TH: Ông Lê Văn B, là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Y thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết P trình bày:* Do quen biết nhau, bà làm chủ hội, ông H là hội viên có tham gia góp nhiều dây hội, sau khi ông H lĩnh hội xong thì không góp hội, bà có gặp ông H để đòi nhiều lần nhưng ông H không góp, đến ngày 01/7/2019 hai bên có chốt lại số tiền nợ hội và viết cho bà giấy nợ hẹn đến ngày 15/8/2019 sẽ trả hết số tiền trên. Tuy nhiên khi đến hạn ông H không trả, bà có gặp ông H đòi nhiều lần nhưng cũng không trả. Nay bà yêu cầu ông H và bà TH trả lại cho bà số tiền hội phải góp là 818.200.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 16/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Bị đơn ông Nguyễn Phước H trình bày:* Ông xác nhận lời trình bày của bà P là đúng, ông có tham gia góp nhiều dây hội và hiện còn nợ bà P tổng số tiền 818.200.000 đồng, có giấy nợ ngày 01/7/2019 do ông viết và ký tên. Nay ông đồng ý trả cho bà P số tiền 818.200.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ông xác định việc tham gia góp hội giữa ông và bà P vợ ông là bà Lê Ngọc TH không biết nên số nợ trên là nợ riêng của ông. Số tiền ông lĩnh hội dùng vào việc cá nhân không liên quan đến vợ nên một mình ông có trách nhiệm trả, vợ ông không có nghĩa vụ cùng ông trả số tiền nêu trên cho bà P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc TH trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Phước H, bà và ông H hiện tại còn chung sống với nhau chưa ly hôn, đối với số tiền nợ hội trên bà không biết, bà xác định đây là nợ riêng của ông H không liên quan đến bà cho nên không đồng ý cùng ông H trả số nợ trên cho bà P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 21/02/2020, Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết P đối với ông Nguyễn Phước H và bà Lê Ngọc TH về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc ông Nguyễn Phước H và bà Lê Ngọc TH có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết P số tiền 853.653.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án tuyên, ngày 16/3/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc TH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà TH và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà TH: Bà TH và ông H đã ly thân và sống riêng từ cách đây 2 năm (năm 2018). Ông H lĩnh hội của bà P nhiều lần nhưng sử dụng tiền vào mục đích đánh bạc, không phục vụ cuộc sống chung của vợ chồng nên phải tự chịu trách nhiệm trả nợ riêng. Đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo sửa bản án sơ

thẩm, không chấp nhận liên đới cùng ông H thanh toán nợ cho bà P. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có sai sót trong việc ghi tên bà Lê Ngọc TH thành Lê Thị TH trong phần quyết định.

Ý kiến của bị đơn: Ông H xin thay đổi lời trình bày và xác định ông lĩnh hui của bà P nhiều lần tổng cộng 818.200.000 đồng để qua Campuchia đánh bạc, tiêu xài cá nhân, không liên quan đến bà TH. Ông H thống nhất như yêu cầu kháng cáo của bà TH, chấp nhận tự trả nợ theo như yêu cầu của bà P.

Ý kiến của nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Số tiền ông H lĩnh hui của bà P bao gồm nợ gốc: 818.200.000 đồng và nợ lãi: 35.453.500 đồng, tổng cộng: 853.653.500 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà TH và ông H. Ở cấp sơ thẩm ông H khai rõ lĩnh hui để trả nợ và chữa bệnh, tiêu xài phục vụ đời sống chung vợ chồng. Còn bà TH khai vợ chồng không ly hôn và sống chung với nhau nhưng nay bà TH và ông H khai gian dối, mâu thuẫn với lời khai ban đầu để trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Bà P không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bà TH kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh nên căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà TH, giữ y bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phước H thanh toán tiền góp hui là 818.200.000 đồng, chứng cứ là Giấy nợ tiền ngày 01/7/2019 (bút lục số 07) do ông Nguyễn Phước H tự viết. Ông H thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ gốc theo giấy nhận tiền và lãi suất phát sinh theo yêu cầu của bà P. Ông H và bà P không kháng cáo bản án sơ thẩm xét xử buộc ông H và bà TH (vợ ông H) hoàn trả bà Nguyễn Thị Tuyết P số tiền góp hui và lãi suất chậm trả tổng cộng 853.653.500 đồng. Riêng bà TH vợ ông H không đồng ý bản án sơ thẩm nên có kháng cáo vì cho rằng đây là nợ riêng của ông H. Theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị”. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trong phạm vi kháng cáo của bà TH.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà TH không đồng ý trả tiền vì cho rằng giao dịch góp hui do ông H là người tự xác lập và sử dụng vào mục đích cá nhân của ông H. Xét ý kiến trên thấy rằng, bà TH và ông H thừa nhận là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc ông H tham gia góp hui và ký giấy xác nhận nợ được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà

TH và ông H. Theo Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định vợ, chồng phải cùng trả các khoản nợ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, các khoản nợ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình. Đồng thời, vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H khai nhận ông hót số tiền hui 818.200.000 đồng của bà P để qua Campuchia đánh bạc, tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, lời khai này hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của ông H tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 21/2/2020 (bút lục 71-76) rằng ông lĩnh số tiền hui 818.200.000 đồng của bà P để trả nợ ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng đã thế chấp và điều trị bệnh cho ông H, để xoay sở trang trải trong gia đình. Số tiền vay Ngân hàng do vợ chồng cùng đứng tên vay. Bản thân ông H cũng không cung cấp được chứng cứ, cũng như không trình bày được căn cứ vì sao lại thay đổi lời khai. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 4/12/2019 (bút lục 43), bà TH trình bày bà và ông H chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Dầu Tiếng, vợ chồng còn chung sống với nhau chưa ly hôn, bà không biết ông H hót hui dùng vào việc gì. Bản thân bà TH sau khi cung cấp lời khai thì có đơn cùng ngày 4/12/2019 yêu cầu giải quyết vắng mặt khi Tòa án triệu tập. Tại phiên tòa phúc thẩm bà TH lại trình bày vợ chồng bà đã ly thân sống riêng hai năm nay (tức từ năm 2018 đến nay) và ông H đã dùng số tiền hót hui để đánh bạc, không dùng vào mục đích chữa bệnh. Lời khai này hoàn toàn mâu thuẫn với lời khai của bà tại cấp sơ thẩm là để chối bỏ trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho chồng bà là ông H. Tuy nhiên, xét việc bà TH kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh được việc ông H tự xác lập giao dịch chơi hui và sử dụng số tiền hót hui vào mục đích cá nhân của ông H, không có căn cứ chứng minh đây là nợ riêng của cá nhân ông H nên phải có trách nhiệm liên đới cùng ông H thanh toán nợ cho bà P. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H và bà TH cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà P là đúng quy định pháp luật. Ý kiến của bà TH và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà TH kháng cáo cho rằng bà P không chịu trách nhiệm liên đới cùng ông H thanh toán nợ cho bà P là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị giữ y bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét phần quyết định của bản án sơ thẩm còn có sai sót trong việc ghi tên bà Lê Ngọc TH thành Lê Thị TH nên bà TH kháng cáo là có căn cứ, cần sửa bản án sơ thẩm về tên bà TH cho phù hợp với hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ngọc TH không phải chịu do sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 92, Điều 148, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 471, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 ;

- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc TH.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 21/02/2020 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết P đối với ông Nguyễn Phước H và bà Lê Ngọc TH về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Buộc ông Nguyễn Phước H và bà Lê Ngọc TH có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Tuyết P số tiền nợ gốc: 818.200.000 đồng và nợ lãi: 35.453.500 đồng, tổng cộng: 853.653.500 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Tuyết P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Phước H và bà Lê Ngọc TH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Phước H và bà Lê Ngọc TH phải chịu 37.609.600 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn sáu trăm đồng).

- Bà Lê Thị Tuyết P không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D hoàn trả lại cho bà Lê Thị Tuyết P 18.352.775 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2016/0031955 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Ngọc TH không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D hoàn trả lại cho bà Lê Ngọc TH số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0032545 ngày 20/3/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**